TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2024/HSST
Ngày 16/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quan Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Hào và ông Nguyễn Duy Chung

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Chung Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2024/TLST-HS, ngày 28 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HS, ngày 05/4/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị N**, sinh ngày 05/6/1989, tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội. Chỗ ở hiện nay: Thôn I, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 06/12; con ông: Nguyễn Xuân V, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1960; chồng: Nguyễn Danh H, sinh năm 1982 (đã chết), Nguyễn Đại L, sinh năm 1985, con: có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2010.

* Tiền án: Không

* Tiền sự: Ngày 03/02/2023, bị Công an thành phố T xử phạt 400.000 đồng về hành vi bán dâm *(đã nộp phạt xong ngày 24/02/2023 tại Biên lai thu số 0000855).*

* Nhân thân: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa.*

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lý Thị C, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang;

- Anh Ninh Văn T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

- Anh Đoàn Quang L1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

- Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị C, anh T, anh L1, chị N1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 08/01/2024, Đoàn Quang L1, sinh năm 1986 trú tại thôn T, xã M, huyện Y đến quán cà phê " *Thắng V1*" gần trường Đại học T1 thuộc thôn A, xã T, huyện Y để uống nước và chờ Ninh Văn T, sinh năm 1973, trú tại thôn L, xã L, huyện Y đến để cùng đi Thành phố T chơi. Tại đây L1 gặp Nguyễn Thị N sinh năm 1989, nơi ĐKHKTT thôn C, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội (*hiện đang tạm trú tại thôn I, xã T, huyện Y*) do quen biết nhau từ trước L1 mời N cùng uống nước, quá trình nói chuyện L1 rủ N mua bán dâm và sẽ trả Nguyệt 400.000 đồng/01 lần mua dâm, N đồng ý. Khi N và L1 đang trao đổi việc mua bán dâm thì Ninh Văn T đến, biết việc N và L1 có thỏa thuận mua bán dâm với nhau nên T hỏi N "*Có bạn nào không rủ cho anh với*" ý rủ thêm người để bán dâm cho T. N bảo T "*Đợi tí để em rủ ra uống nước rồi đi*". Sau đó N gọi điện thoại cho Lý Thị C, sinh năm 1986, trú tại thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (*tạm trú tại thôn I, xã T, huyện Y*) và bảo C "*Có khách rủ đi chơi ra đây uống nước*" ý là khách mua dâm, C đồng ý. Sau khi N gọi điện rủ thêm bạn bán dâm cho mình xong T hỏi N " *Vé bao nhiêu tiền*" Nguyệt không nói gì, do nghe L1 và N trao đổi biết giá mua dâm là 400.000 đồng/ 01 lần nên T đưa cho N 800.000 đồng (*gồm tiền N bán dâm cho L1 400.000 đồng, còn lại 400.000 đồng N cầm hộ Chính*). N nhận tiền và nhắn tin cho C với nội dung khách đã trả tiền cho hai chị em mỗi người là 400.000 đồng, tổng hai người là 800.000 đồng. Chính nhắn lại "u" nghĩa là đồng ý. Khoảng 11 giờ cùng ngày C đến quán cà phê "*Thắng V1*", sau đó L1, T, N và C cùng đến nhà nghỉ G thuộc thôn A, xã T, huyện Y để thuê phòng thực hiện hành vi mua bán dâm. Khi đến nhà nghỉ G chủ nhà nghỉ là Nguyễn Thị N1 yêu cầu L1 và T xuất trình giấy tờ tùy thân đầy đủ và cho thuê phòng. Sau khi thuê phòng N vào phòng 205 bán dâm cho L1 và được L1 cho thêm 400.000 đồng để phục vụ nhiệt tình. Chính vào phòng 201 bán dâm cho T. Khi các đối tượng đang thực hiện hành vi mua, bán dâm thì tổ công tác Công an huyện Y đến kiểm tra, phát hiện N đang mua bán dâm với L1, C đang mua bán dâm với T. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản về hành vi mua bán dâm đối với Nguyễn Thị N, Lý Thị C, Đoàn Quang L1 và Ninh Văn T.

* Vật chứng thu giữ: Cơ quan điều tra thu giữ 02 vỏ đựng bao cao su; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 14 Pro max, màu tím của Nguyễn Thị N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS Max, màu trắng của Lý Thị C và số tiền 1.200.000đ (*đã chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn*).

Trên cơ sở kết luận điều tra, ngày 27/3/2024 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn đã ban hành cáo trạng số 21/CT- VKSYS truy tố Nguyễn Thị N về tội Môi giới mại dâm theo quy định tại khoản 1, Điều 328 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, sau khi kết thúc phần xét hỏi công khai, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu lời luận tội, giữ nguyên nội dung cáo trạng, truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội "Môi giới mại dâm".

Áp dụng khoản 1, Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 02 vỏ đựng bao cao su;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 14 Pro max, màu tím và số tiền 1.200.000đ đã thu giữ của Nguyễn Thị N;

- Trả lại cho Lý Thị C 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS Max, màu trắng.

Ngoài ra đại diện Viện Kiểm sát còn đề nghị HĐXX tuyên về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, không có tình tiết mới. Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử cho được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ như biên bản vi phạm hành chính, vật chứng thu giữ; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/01/2024 tại phòng 201 nhà nghỉ G thuộc thôn A, xã T, huyện Y, Nguyễn Thị N đã có hành vi môi giới, trung gian dẫn dắt cho Lý Thị C bán dâm cho Ninh Văn T trú tại thôn L, xã L, huyện Y thì bị Tổ công tác của Công an huyện Y kiểm tra, phát hiện.

Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Thị N đã phạm vào tội *"Môi giới mại dâm"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 328 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn truy tố đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[2] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX nhận định: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, tác động tiêu cực đến nếp sống văn minh và là một trong những nguyên nhân lây lan các căn bệnh xã hội và các tệ nạn xã hội khác. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Bị cáo đã có 01 tiền sự về hành vi bán dâm nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy cần phải xét xử bị cáo hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung tại địa phương.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, HĐXX nhận định:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn một mình nuôi hai con nhỏ, chồng bị cáo là người khuyết tật nặng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, không có tài sản riêng có giá trị. Do đó HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 02 vỏ đựng bao cao su; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 14 Pro max, màu tím của Nguyễn Thị N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS Max, màu trắng của Lý Thị C và số tiền 1.200.000đ.

Đối với 02 vỏ đựng bao cao su là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 14 Pro max, màu tím thu giữ của Nguyễn Thị N. Xét thấy đây là vật chứng của vụ án bị cáo đã sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 1.200.000đ (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*) thu giữ của Nguyễn Thị N. Xét thấy đây là khoản thu lời bất chính từ việc phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS Max, màu trắng thu giữ của Lý Thị C, đây là phương tiện liên lạc của Lý Thị C không sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần trả lại cho Lý Thị C là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Các vấn đề khác:

Đối với hành vi mua dâm ngày 08/01/2024 của Đoàn Quang L1 và Ninh Văn T; Hành vi bán dâm của Nguyễn Thị N và Lý Thị C. Ngày 05/02/2024, Công an huyện Y đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với L1, T, N và C cụ thể: Phạt Đoàn Quang L1 và Ninh Văn T mỗi người 1.250.000 đồng, phạt Nguyễn Thị N 400.000 đồng và Lý Thị C 300.000 đồng.

Đối với chị Nguyễn Thị N1 là chủ nhà nghỉ G cho Đoàn Quang L1 và Ninh Văn T thuê phòng nghỉ, nhưng không biết việc L1, T và N, C mua bán dâm tại nhà nghỉ nên không xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Về tội danh:** Căn cứ khoản 1, Điều 328 Bộ luật Hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội "*Môi giới mại dâm*".

*** Về hình phạt:** Căn cứ khoản 1, Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị N 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

*** Về vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ đựng bao cao su màu tím mặt ngoài in chữ nước ngoài và 01 vỏ đựng bao cao su màu vàng mặt ngoài in chữ nước ngoài;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 14 Pro max, màu tím số máy MQ9T3VN/A, số IMEI 358547329421125, đã qua sử dụng, lắp 01 sim Vinaphone trên sim in các chữ số 898402000 11498559952 và số tiền 1.200.*000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng)* đã thu giữ của Nguyễn Thị N;

- Trả lại cho Lý Thị C 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS Max, dung lượng 64GB, vỏ màu trắng, số IMEI 357263091114762. Trên điện thoại lắp thẻ sim số 0343287435.

(*Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/4/2024 giữa Công an huyện Y và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn*).

(Số tiền tịch thu đã được Kho bạc nhà nước huyện Y chuyển vào tài khoản số: 3949.0.1064849.00000 là tài khoản của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Yên Sơn mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Y theo Ủy nhiệm chi số 05 ngày 09/4/2024).

*** Về án phí:** Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án tuyên: Bị cáo Nguyễn Thị N phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/4/2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo đối với những nội dung liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Công an huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quan Thị Thu Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Duy Viễn **Nguyễn Duy Chung** **Quan Thị Thu Trang**